TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2023/HC-ST
Ngày: 12-9-2023
Vv kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quang Tuyên và ông Phạm Hữu Dụng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk*:** Ông Trần Văn Lai- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 108/2023 /TLST-HC ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc kiện "Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2023/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Trần Đăng H, sinh năm 1969; địa chỉ: Đ1, thôn ĐT, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến T; địa chỉ: NTT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: NTT, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Đ – Chức vụ: Phó chủ tịch (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Nguyễn Xuân T1 (đã chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Xuân T1:

+ Ông Nguyễn Xuân O - Sinh năm 1968; Bà Nguyễn Thị M - Sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị T2 - Sinh năm 1970; ông Nguyễn Xuân H1 - Sinh năm

1972, bà Nguyễn Thị H2 - Sinh năm 1975; ông Nguyễn Xuân T3 - Sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Thôn ĐT, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà T2, ông H1, bà H2, ông T3: Ông Nguyễn Xuân O - Sinh năm 1968 (Có mặt);

+ Bà Nguyễn Thị T4 (R) – Sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn PD, xã PD, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Tiến T trình bày:**

Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.680m^2 và thửa đất số 154b, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.680m^2 tại xã E (nay là xã D), huyện K, tỉnh Đắk Lắk (hai thửa đất liền kề nhau) do gia đình ông Trần Đăng H khai hoang từ năm 1991 và sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp với ai.

Tuy nhiên, đầu năm 2023 ông Trần Đăng H phát hiện ra thửa đất số 154b, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.680m^2 của gia đình ông H đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 151663 ngày 27/7/1994, còn thửa đất số 154, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.680m^2 của gia đình ông H lại được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852045 ngày 05/02/1999 cho hộ Nguyễn Xuân T1.

Việc Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852045 cho hộ Nguyễn Xuân T1 đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.680m^2 tại xã E (nay là xã D), huyện K là không đúng đối tượng sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông H.

Ông Nguyễn Xuân T1 đã chết năm 2002. Vợ ông Nguyễn Xuân T1 là bà Trần Thị L đã chết từ lâu (khoảng năm 1977 – 1978). Ông Nguyễn Xuân T1 và bà Trần Thị L có 09 người con là bà Nguyễn Thị X (đã chết), bà Nguyễn Thị B (đã chết), ông Nguyễn Xuân O - Sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị M - Sinh năm 1964, bà Nguyễn Thị T2 - Sinh năm 1970, ông Nguyễn Xuân H1 - Sinh năm 1972, bà Nguyễn Thị H2 - Sinh năm 1975, ông Nguyễn Xuân T3 - Sinh năm 1977; bà Nguyễn Thị T4 (Rớt) - Sinh năm 1954.

Vì vậy, ông Trần Đăng H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852045 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ Nguyễn Xuân T1 ngày 05/02/1999 đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 3, diện tích 2680m^2, đất mía tại xã E (nay là xã D), huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Minh Đ trình bày:**

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Huỷ Giấy chứng nhận QSDĐ số M 852045 do UBND huyện K cấp ngày 05/02/1999 cho hộ ông Nguyễn Xuân

T1 đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.680m^2, địa chỉ thửa đất xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 108/2023/TLST-HC, ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

UBND huyện đã giao cho các cơ quan chuyên môn khai thác hồ sơ lưu trữ để cung cấp tài liệu theo quy định. Tuy nhiên, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852045 do UBND huyện K cấp ngày 05/02/1999 cho hộ ông Nguyễn Xuân T1 đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.680m^2, địa chỉ thửa đất xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1999 đã trải qua nhiều thời kỳ. Công tác lưu trữ hồ sơ, lưu chuyển qua nhiều cơ quan cũng như kho lưu trữ phải di chuyển nên gặp khó khăn trong việc khai thác tài liệu dẫn đến chậm trễ trong việc cung cấp hồ sơ nêu trên.

UBND huyện sẽ chỉ đạo các cơ quan có liên quan tiếp tục kiểm tra, khai thác hồ sơ lưu trữ để cung cấp tài liệu theo quy định và theo yêu cầu của Tòa án để đảm bảo công tác xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ việc: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852045, ngày cấp 05/02/1999 đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.680m^2, địa chỉ thửa đất xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông Nguyễn Xuân T1 tại thời điểm trên là đúng theo quy định; kính để nghị quý Tòa xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Ông Nguyễn Xuân O, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Xuân T1, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Xuân H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Xuân T3 trình bày:**

Ngày 05/02/1999 Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy CNQSD đất số M 852045 cho ông Nguyễn Xuân T1, là bố của chúng tôi, đối với thửa đất số 27b, 154, tờ bản đồ số 3, đất mía tại xã E (nay là xã D), huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc đất ông Tiểu sử dụng là do ông T1 khai hoang.

Tuy nhiên, gia đình tôi chỉ quản lý, sử dụng thửa đất số 27b, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.890m^2; còn đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.680m^2 là do ông Trần Đăng H quản lý, sử dụng. Nhưng do quá trình kê khai bị sai sót nên Ủy ban nhân dân huyện K đã cấp nhầm thửa đất số 154 của ông H cho ông Nguyễn Xuân T1.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng H về việc đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852045 do UBND huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân T1 ngày 05/02/1999 đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.680m^2, đất mía tại xã E (nay là xã D), huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thì tôi đồng ý.

Bố tôi là ông Nguyễn Xuân T1 đã mất năm 2002, vợ của ông T1 (mẹ tôi) là bà Trần Thị L, đã mất năm 1984. Ông T1, bà L có tổng cộng 9 người con, bao gồm:

1. Bà Nguyễn Thị T4 (Rớt); nơi cư trú: Thôn PD, xã PD, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Nguyễn Thị X (đã mất)

3. Bà Nguyễn Thị B (đã mất)

4. Bà Nguyễn Thị M; nơi cư trú: Đ4, thôn ĐT, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Nguyễn Xuân O; nơi cư trú: Đ1, thôn ĐT, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Nguyễn Thị T2; nơi cư trú: Đ1, thôn ĐT, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

7. Ông Nguyễn Xuân H1; nơi cư trú: Đ1, thôn ĐT, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

8. Bà Nguyễn Thị H2; nơi cư trú: Đ1 , thôn ĐT, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

9. Ông Nguyễn Xuân T3; nơi cư trú: Đ1, thôn ĐT, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bà Nguyễn Thị T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Xuân T1 trình bày:**

Tôi là con của ông Nguyễn Xuân T1 và bà Trần Thị L (đều đã chết). Tôi không liên quan và tranh chấp gì đến thửa đất số 154, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.680m^2 tại xã E (nay là xã D), huyện K, tỉnh Đắk Lắk do Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852045 ngày 05/02/1999 cho ông Nguyễn Xuân T1.

Vì vậy, nay ông Trần Đăng H yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852045 nêu trên thì tôi đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đăng H, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung:

Qua phân tích đánh giá đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng H về việc: Hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852045, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.680m^2 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân T1 vào ngày 05/02/1999.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh Đ là người đại diện ủy quyền của người bị kiện và bà Nguyễn Thị T4 (R) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Xuân T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ là đúng theo quy định tại Điều 158 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về thẩm quyền: Ông Trần Đăng H đề nghị Tòa án tuyên hủy giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852045 do UBND huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân T1 ngày 05/02/1999 đối với thửa đất số 154, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.680m^2, tại xã E (nay là xã D), huyện K, tỉnh Đắk Lắk là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ông H trình bày đầu năm 2023 ông H phát hiện diện tích 2.680m^2 đất do ông H đang quản lý sử dụng đã bị UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số M 852045, thửa số 154, tờ bản đồ số 3 cho hộ ông Nguyễn Xuân T1 nên ngày 06/01/2023 ông H làm đơn đề nghị UBND huyện K hủy giá trị pháp lý GCNQSDĐ số M 852045 nhưng không được giải quyết. Ngày 28/5/2023 ông H làm đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về nội dung: Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thấy rằng:

Về nguồn gốc đất thể hiện: Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.680m^2 tại xã E (nay là xã D), huyện K, tỉnh Đắk Lắk do gia đình ông Trần Đăng H khai hoang từ năm 1991 và sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp với ai. Ngày 05/02/1999, UBND huyện K cấp GCNQSD đất số M 852045 cho ông Nguyễn Xuân Tiểu đối với thửa đất số 27b, diện tích 6.890m^2 và thửa đất số 154, diện tích 2.680m^2, mục đích sử dụng là đất mía.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Thửa đất số 154 tờ bản đồ số 03, diện tích 2.680m^2 theo GCNQSD đất số M 852045 do UBND huyện K cấp ngày 05/02/1999 cho hộ ông Nguyễn Xuân T1 và Thửa đất số 154b, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.680m^2 theo GCNQSD đất số B 151663 do UBND huyện K cấp ngày 27/7/1994 cho hộ ông Trần Đăng H đều do ông Trần Đăng H đang sử dụng và canh tác. Trên đất có trồng khoảng 200 trụ tiêu và khoảng 500 cây cà phê (cà phê trồng khoảng năm 2004, tiêu trồng khoảng năm 2018). Mặc khác, ông Nguyễn Xuân O (là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Xuân H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Xuân T3) và bà Nguyễn Thị T4 là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Xuân T1 đều xác định gia đình ông, bà chỉ quản lý canh tác đối với thửa đất số 27b, diện tích 6.890m^2 còn thửa đất số 154, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.680m^2, tại xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là tài sản của ông Trần Đăng H, hiện do ông H đang quản lý canh tác nhưng UBND huyện K cấp nhầm cho bố của ông, bà là ông Nguyễn Xuân T1.

Do đó, có đủ căn cứ để xác định UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số M 852045, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.680m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Xuân T1 thuộc trường hợp cấp đất không đúng đối tượng theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Đăng H. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng H, hủy bỏ giá trị pháp lý của GCNQSDĐ số M 852045, đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.680m^2 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân T1 vào ngày 05/02/1999, để cấp lại cho đúng đối tượng sử dụng đất là ông Trần Đăng H.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện UBND huyện K phải chịu 5.313.000 đồng tiền chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ.

[6] Về án phí:

Do đơn khởi kiện được chấp nhận nên ông Trần Đăng H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai 2013; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng H, hủy bỏ giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852045, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.680m^2 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân T1 vào ngày 05/02/1999.

[2] Về chi phí tố tụng: UBND huyện K phải chịu 5.313.000 đồng (Năm triệu ba trăm mười ba nghìn đồng) tiền chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ. Hoàn trả cho ông Trần Đăng H 5.313.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được của UBND huyện K.

[3] Về án phí: Ông Trần Đăng H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002145 ngày 05/6/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ủy ban nhân dân huyện K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng